UBND XÃ HOÀNG HOA THÁM
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 324/TB-BQLDA

Hoàng Hoa Thám, ngày 16 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1. Đợt 1

Kính gửi: - UBND xã Hoàng Hoa Thám;
- Các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số: 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn vương mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết: số 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về bảng giá đất lần đầu công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; số 23/NQ-HĐND ngày 13/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: số 402/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Tiên Lữ; số 1651/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tiên Lữ; số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, số 32/2026/QĐ-UBND ngày 01/7/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên

Quyết định về việc ban hành hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1.

Căn cứ Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc thông báo giá gạo tẻ thường làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÔNG BÁO:

1. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phối hợp với UBND xã Hoàng Hoa Thám tổ chức công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp đối với các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1 cụ thể như sau:

1.1 Danh mục hồ sơ được niêm yết, công khai:

Biểu tổng hợp phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp số 08 – Hưng Yên, Giai đoạn 1.

- Bồi thường hỗ trợ về đất *(Biểu 01)*

+ Tổng số hộ công khai: 50 hộ.

+ Tổng diện tích công khai: 141.485,7m².

+ Tổng giá trị công khai: 46.433.634.000 đồng

- Bồi thường hỗ trợ về cây trồng *(Biểu 02)*

+ Tổng số hộ công khai: 17 hộ.

+ Tổng giá trị công khai: 453.485.000 đồng

1.2 Hình thức niêm yết công khai

- Niêm yết tại trụ sở UBND xã Hoàng Hoa Thám.

- Niêm yết trực tiếp tại nhà văn hóa thôn Hưng Đạo (nhà văn hóa thôn Hậu Xá cũ và nhà văn hóa thôn Xuân Điểm cũ).

- Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã Hoàng Hoa Thám.

1.3 Thời hạn niêm yết, công khai: 10 ngày, kể từ ngày 16/9/2026

(Có biểu phương án dự thảo bồi thường, hỗ trợ của từng hộ gia đình đính kèm theo thông báo này)

2. Nội dung công khai gồm:

2.1 Bồi thường hỗ trợ về đất (Biểu 01)

a. Bồi thường tiền đất nông nghiệp:

Áp dụng Nghị quyết số 812/2025/NQ-UBND ngày 23/12/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định về Bảng giá đất lần đầu để công bố áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Giá đất nông nghiệp **80.000 đồng/m².**

b. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm:

- Áp dụng theo Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Đối với đất nông nghiệp đơn giá hỗ trợ là: **80.000 đ/m²x3 lần=240.000 đ/m²**

c. Hỗ trợ ổn định đời sống:

- Áp dụng theo điểm a,c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ quy định và Điều 13 Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên. **(30kg gạo/1 nhân khẩu/1tháng)**

- Giá gạo được tính theo Công văn số 1657/SNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 thông báo giá của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên đơn giá: **17.000 đồng.**

2.2 Bồi thường hỗ trợ về tài sản trên đất (Biểu 02)

- Áp dụng Quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi và mức hỗ trợ di dời vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên về việc Ban hành Quy định chi tiết một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Lưu ý: *Giá trị dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB theo biểu tính kèm theo thông báo này chưa phải là giá trị thanh toán chi trả cho các hộ gia đình cá nhân đề nghị các hộ gia đình, cá nhân kiểm tra, rà soát số liệu, đối chiếu cơ chế chính sách. Nếu có ý kiến phản ánh bằng văn bản về UBND xã Hoàng Hoa Thám hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã.*

Kết thúc thời gian công khai Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Hoàng Hoa Thám phối hợp với UBND xã và các đơn vị có liên quan hoàn chỉnh phương án trình UBND xã Hoàng Hoa Thám phê duyệt. Giá trị thanh toán cho các hộ gia đình, cá nhân là giá trị phương án được UBND xã phê duyệt.

3. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã phối hợp với UBND – UBMTTQ xã Hoàng Hoa Thám, thôn Hưng Đạo, niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã Hoàng Hoa Thám và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất nông nghiệp bị thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND xã đồng thời

gửi thông báo và phương án bồi thường, hỗ trợ đến tận hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án *(đại diện những người sử dụng đất hoặc đại diện những người được thừa kế - nếu có)* theo trình tự quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT và Hsgpmb.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngô Xuân Chính

PHỤ LỤC 01: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số: 324/TB-BQLDA ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Ban QLDA đầu tư xây dựng xã)

HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT NN ĐANG SD (m²)	SỐ NHÂN KHẨU HIỆN TẠI	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI						TÍNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG			KINH PHÍ BỒI THƯỜNG	KINH PHÍ HỖ TRỢ		TỔNG TIỀN HỖ TRỢ VỀ ĐẤT (Đồng)
			SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	DT THU HỒI TRONG QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	DT THU HỒI NGOÀI QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m²)	TỔNG DIỆN TÍCH THU HỒI (m²)	TỶ LỆ % THU HỒI	SỐ THÁNG HỖ TRỢ	SỐ KHẨU NN HIỆN TẠI	BỒI THƯỜNG VỀ ĐẤT (80.000 Đồng/m2)	HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG	HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ (240.000 Đồng/m²)	
HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN						**141.467,9**	**17,8**	**141.485,7**				**11.318.856.000**	**1.158.210.000**	**33.956.568.000**	**46.433.634.000**
Hộ ông Phạm Văn Kế và bà Nguyễn Thị Thanh	5040,6	5	82	2	LUC	2.974,2		5.040,6	100,0%	12	5	403.248.000	30.600.000	1.209.744.000	1.643.592.000
			82	49	LUC	2.066,4									
Hộ ông Phạm Văn Hùng và bà Phan Thị Hà	2310,6	3	82	3	LUC	2.310,6		2.310,6	100,0%	12	3	184.848.000	18.360.000	554.544.000	757.752.000
Hộ ông Phạm Văn Nhanh và bà Phạm Thị Miền	2307,3	3	82	13	LUC	2.307,3		2.307,3	100,0%	12	3	184.584.000	18.360.000	553.752.000	756.696.000
Hộ bà Trần Thị Xuyến	4.312,2	4	82	15	LUC	3.114,9		4.312,2	100,0%	12	4	344.976.000	24.480.000	1.034.928.000	1.404.384.000
			82	16	LUC	1.197,3									
Hộ ông Dương Văn Dư và bà Lương Thị Giang	2589,1	3	82	25	LUC	2.589,1		2.589,1	100,0%	12	3	207.128.000	18.360.000	621.384.000	846.872.000
Hộ bà Nguyễn Thị Cốm	4200	4	82	26	LUC	4.200,0		4.200,0	100,0%	12	4	336.000.000	24.480.000	1.008.000.000	1.368.480.000
Hộ ông Phạm Văn Lâm	3013,1	4	82	27	LUC	3.013,1		3.013,1	100,0%	12	4	241.048.000	24.480.000	723.144.000	988.672.000
Hộ bà Đinh Thị Đạo	1.685,1	2	82	29	LUC	1.401,1		1.401,1	83,1%	12	2	112.088.000	12.240.000	336.264.000	460.592.000
Hộ ông Phan Văn Sáo và bà Phạm Thị Hoạt	4360	6	82	31	LUC	849,4		4.360,0	100,0%	12	6	348.800.000	36.720.000	1.046.400.000	1.431.920.000
			82	61	LUC	3.510,6									
Hộ ông Tạ Văn Hộ và bà Phạm Thị Huệ	3.478,7	5	82	33	LUC	3.259,7		3.259,7	93,7%	12	5	260.776.000	30.600.000	782.328.000	1.073.704.000
Hộ bà Phạm Thị Tình (Ví)	3205	5	82	35	LUC	203,1		1.438,4	44,9%	6	5	115.072.000	15.300.000	345.216.000	475.588.000
			82	36	LUC	1.235,3									
Hộ ông Đinh Văn Thỏa và bà Hoàng Thị Nguyệt	2.800,0	3	82	39	LUC	2.800,0		2.800,0	100,0%	12	3	224.000.000	18.360.000	672.000.000	914.360.000
Hộ bà Dương Thị Phai và ông Tạ Duy Hiến	4.208,3	4	82	40	LUC	4.208,3		4.208,3	100,0%	12	4	336.664.000	24.480.000	1.009.992.000	1.371.136.000
Hộ ông Phan Văn Diễm và bà Đinh Thị Ngắm	3808,8	4	87	83	LUC	417,3		3.808,8	100,0%	12	4	304.704.000	24.480.000	914.112.000	1.243.296.000
			82	42	LUC	3.391,5									
Hộ ông Phan Văn Duệ và bà Đinh Thị Minh	4574,7	6	82	43	LUC	4.574,7		4.574,7	100,0%	12	6	365.976.000	36.720.000	1.097.928.000	1.500.624.000

Hộ bà Đinh Thị Nhường	2308,8	3	82	44	LUC	2.308,8		2.308,8	100,0%	12	3	184.704.000	18.360.000	554.112.000	757.176.000
Hộ ông Đinh Văn Cảnh và bà Phạm Thị Phương	3398,6	4	82	45	LUC	1.318,1		3.398,6	100,0%	12	4	271.888.000	24.480.000	815.664.000	1.112.032.000
			82	64	LUC	2.080,5									
Hộ ông Đinh Văn Đạt và Nguyễn Thị Diễm	1.385,2	2	82	48	LUC	827,2		827,2	59,7%	6	2	66.176.000	6.120.000	198.528.000	270.824.000
Hộ ông Vũ Văn Thái và bà Phan Thị Minh	3.149,4	5	82	50	LUC	2.678,4		2.678,4	85,0%	12	5	214.272.000	30.600.000	642.816.000	887.688.000
Hộ ông Đinh Văn Chính và bà Tạ Thị Thơm	2.800,0	4	82	53	LUC	2.800,0		2.800,0	100,0%	12	4	224.000.000	24.480.000	672.000.000	920.480.000
Hộ bà Đỗ Thị Bình (Đệ)	3.493,0	5	82	54	LUC	3.493,0		3.493,0	100,0%	12	5	279.440.000	30.600.000	838.320.000	1.148.360.000
Hộ ông Phan Văn Đình và bà Phạm Thị Phượng	1.956,0	2	82	55	LUC	1.956,0		1.956,0	100,0%	12	2	156.480.000	12.240.000	469.440.000	638.160.000
Hộ ông Lê Hữu Thúy và bà Nguyễn Thị Hảo	3.840,5	5	82	56	LUC	3.840,5		3.840,5	100,0%	12	5	307.240.000	30.600.000	921.720.000	1.259.560.000
Hộ ông Đinh Xuân Trình và bà Trần Thị Luyến	4.557,0	5	82	57	LUC	3.927,0		3.927,0	86,2%	12	5	314.160.000	30.600.000	942.480.000	1.287.240.000
Hộ bà Nguyễn Thị Tuyết	4.200,4	6	82	58	LUC	4.200,4		4.200,4	100,0%	12	6	336.032.000	36.720.000	1.008.096.000	1.380.848.000
Hộ bà Nguyễn Thị Mùn (Dùng)	4.092,8	5	82	59	LUC	3.525,5		3.525,5	86,1%	12	5	282.040.000	30.600.000	846.120.000	1.158.760.000
Hộ ông Đào Duy Chự và bà Phạm Thị Thoái	1.442,2	2	82	60	LUC	1.086,2		1.086,2	75,3%	12	2	86.896.000	13.770.000	260.688.000	361.354.000
Hộ ông Đào Duy Tiên và bà Hoàng Thị Vường	4050,2	4	82	65	LUC	3.233,4		4.050,2	100,0%	12	4	324.016.000	24.480.000	972.048.000	1.320.544.000
			82	72	LUC	816,8									
Hộ bà Trương Thị Soan (Hựu)	2053,5	4	82	66	LUC	2.053,5		2.053,5	100,0%	12	4	164.280.000	24.480.000	492.840.000	681.600.000
Hộ ông Tạ Quang Thái và bà Đặng Thị Mận	4262	6,0	82	67	LUC	4.262,0		4.262,0	100,0%	12	6,0	340.960.000	36.720.000	1.022.880.000	1.400.560.000
Hộ ông Lương Văn Chương và bà Nguyễn Thị Hòa	3.209,5	5	83	285	LUC	2.080,3	17,8	3.209,5	100,0%	12	5	256.760.000	30.600.000	770.280.000	1.057.640.000
			82	71	LUC	1.111,4									
Hộ ông Phan Văn My và bà Nguyễn Thị Thúy	2240,4	4	82	73	LUC	2.240,4		2.240,4	100,0%	12	4	179.232.000	24.480.000	537.696.000	741.408.000
Hộ ông Phan Văn Trị và Phạm Thị Ly	1120	2	82	78	LUC	1.120,0		1.120,0	100,0%	12	2	89.600.000	12.240.000	268.800.000	370.640.000
Hộ ông Phan Văn Quận và bà Nguyễn Thị Lâm	1890,3	2	82	80	LUC	1.890,3		1.890,3	100,0%	12	2	151.224.000	12.240.000	453.672.000	617.136.000
Hộ ông Tạ Văn Hoa và bà Nguyễn Thị Nối	2390,3	4	82	81	LUC	2.390,3		2.390,3	100,0%	12	4	191.224.000	24.480.000	573.672.000	789.376.000
Hộ ông Dương Văn Chính	2800,4	4	82	82	LUC	2.800,4		2.800,4	100,0%	12	4	224.032.000	24.480.000	672.096.000	920.608.000

Hộ bà Nguyễn Thị Hiền (Luân)	4409,1	4	82	83	LUC	4.409,1		4.409,1	100,0%	12	4	352.728.000	24.480.000	1.058.184.000	1.435.392.000
Hộ ông Đinh Văn Cao và bà Dương Thị Nga	2240,7	4	82	84	LUC	2.240,7		2.240,7	100,0%	12	4	179.256.000	24.480.000	537.768.000	741.504.000
Hộ bà Đào Thị Gái	4200,2	6	82	87	LUC	4.200,2		4.200,2	100,0%	12	6	336.016.000	36.720.000	1.008.048.000	1.380.784.000
Hộ ông Phan Văn Tháp	3389,9	5	82	90	LUC	3.389,9		3.389,9	100,0%	12	5	271.192.000	30.600.000	813.576.000	1.115.368.000
Hộ bà Dương Thị Phương (Hay)	1890,6	2	82	91	LUC	1.890,6		1.890,6	100,0%	12	2	151.248.000	12.240.000	453.744.000	617.232.000
Hộ ông Phan Văn Chiều và bà Lương Thị Hoan	1806	3	82	92	LUC	1.175,2		1.175,2	65,1%	6	3	94.016.000	9.180.000	282.048.000	385.244.000
Hộ ông Đào Đức Thắng và bà Hoàng Thị Thắm	2077,3	3	82	94	LUC	2.077,3		2.077,3	100,0%	12	3	166.184.000	18.360.000	498.552.000	683.096.000
Hộ bà Phan Thị Sợi	3679,4	5	82	95	LUC	3.325,4		3.325,4	90,4%	12	5	266.032.000	30.600.000	798.096.000	1.094.728.000
Hộ ông Dương Văn Trình và bà Hoàng Thị Hợp	2363,6	4	82	96	LUC	1.823,6		1.823,6	77,2%	12	4	145.888.000	24.480.000	437.664.000	608.032.000
Hộ bà Lương Thị Phấn	1340,1	2	82	98	LUC	1.340,1		1.340,1	100,0%	12	2	107.208.000	12.240.000	321.624.000	441.072.000
Hộ ông Tạ Văn Sơn và bà Đào Thị Thi	3242,2	5,0	82	99	LUC	3.242,2		3.242,2	100,0%	12	5,0	259.376.000	30.600.000	778.128.000	1.068.104.000
Hộ ông Phan Văn Tuyển và bà Phạm Thị Huệ	1341,6	2	82	102	LUC	1.341,6		1.341,6	100,0%	12	2	107.328.000	12.240.000	321.984.000	441.552.000
Hộ ông Đinh Văn Vẫn và bà Phạm Thị Thang	1890,6	3	82	103	LUC	1.890,6		1.890,6	100,0%	12	3	151.248.000	18.360.000	453.744.000	623.352.000
Hộ ông Dương Văn Đoàn và bà Nguyễn Thị Tân	1457,1	2	82	110	LUC	1.457,1		1.457,1	100,0%	12	2	116.568.000	12.240.000	349.704.000	478.512.000
TỔNG KINH PHÍ															**46.433.634.000**

Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu tỷ, bốn trăm ba mươi ba triệu, sáu trăm ba mươi bốn nghìn đồng chẵn./.

PHỤ LỤC 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VỀ CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT

(Kèm theo Thông báo số: 324/TB-BQLDA ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã)

STT	HỌ VÀ TÊN (CHỒNG VÀ VỢ) HOẶC NGƯỜI THỪA KẾ HỢP PHÁP	THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT THU HỒI				THÔNG TIN VỀ CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT		TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (Đồng)
		SỐ TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỬA	LOẠI ĐẤT	TỔNG DT THU HỒI THEO QUY HOẠCH CỦA DỰ ÁN (m^2)	LOẠI CÂY TRỒNG	DIỆN TÍCH CÂY TRỒNG BỊ THIỆT HẠI (m^2)	
1	Hộ ông Phạm Văn Kế và bà Nguyễn Thị Thanh	82	2	LUC	2.974,2	Cây nhãn	5.040,6	1.925.000
		82	49	LUC	2.066,4			
2	Hộ ông Phạm Văn Hùng và bà Phan Thị Hà	82	3	LUC	2.310,6	Cây nhãn	2.310,6	41.750.000
3	Hộ ông Phạm Văn Nhanh và bà Phạm Thị Miền	82	13	LUC	2.307,3	Cây nhãn	2.307,3	13.300.000
4	Hộ bà Trần Thị Xuyến	82	15	LUC	3.114,9	Cây nhãn	4.312,2	39.150.000
		82	16	LUC	1.197,3			
5	Hộ ông Phan Văn Sáo và bà Phạm Thị Hoạt	82	31	LUC	849,4	Cây nhãn	4.360,0	36.575.000
		82	61	LUC	3.510,6			
6	Hộ ông Phan Văn Duệ và bà Đinh Thị Minh	82	43	LUC	4.574,7	Cây nhãn	4.574,7	53.700.000
7	Hộ bà Đinh Thị Nhường	82	44	LUC	2.308,8	Cây nhãn	2.308,8	28.875.000
8	Hộ bà Đỗ Thị Bình (Đệ)	82	54	LUC	3.493,0	Cây nhãn	3.493,0	11.450.000
9	Hộ ông Phan Văn Đình và bà Phạm Thị Phượng	82	55	LUC	1.956,0	Cây nhãn	1.956,0	9.375.000

10	Hộ ông Đào Duy Tiên và bà Hoàng Thị Vường	82	65	LUC	3.233,4	Cây nhãn	4.064,5	30.425.000
		82	72	LUC	831,1			
11	Hộ ông Lương Văn Chương và bà Nguyễn Thị Hòa	83	285	LUC	2.379,8	Cây nhãn	3.491,2	57.300.000
		82	71	LUC	1.111,4			
12	Hộ ông Phan Văn Trị và Phạm Thị Ly	82	78	LUC	1.192,3	Cây nhãn	1.192,3	57.250.000
13	Hộ ông Đinh Văn Cao và bà Dương Thị Nga	82	84	LUC	2.240,7	Cây nhãn	2.240,7	10.200.000
14	Hộ bà Dương Thị Phương (Hay)	82	91	LUC	1.890,6	Cây nhãn	1.890,6	5.625.000
15	Hộ ông Đào Đức Thắng và bà Hoàng Thị Thắm	82	94	LUC	2.077,3	Cây nhãn	2.077,3	7.700.000
16	Hộ bà Phan Thị Sợi	82	95	LUC	3.325,4	Cây nhãn	3.325,4	20.950.000
17	Hộ ông Dương Văn Đoàn và bà Nguyễn Thị Tân	82	110	LUC	1.457,1	Cây nhãn, chuối	1.457,1	27.935.000
TỔNG					**50.402**			**453.485.000**
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.								